TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 3 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Ông Lê Văn Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *NguY đơn:* Ông Đỗ Ngọc H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp HL, xã HT, huyện GR, tỉnh KG

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp HL, xã HT, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2022 nguY đơn ông Đỗ Ngọc H trình bày: Ông Đỗ Ngọc H và bà Nguyễn Thị Nh được sự mai mối tiến tới hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1979, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông H, bà Nh có với nhau 05 người con gồm: Đỗ Nhật C, sinh năm 1983; Đỗ Thành Y, sinh năm 1984; Đỗ Thị Hồng C1, sinh năm 1985; Đỗ

Trạng X, sinh năm 1989; Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 1992, hiện các con đã trưởng thành, không mất khả năng lao động và mất hành vi dân sự.

Quá trình chung sống giữa ông H và bà Nh không được hạnh phúc thường xuY xảy ra mâu thuẫn. NguY nhân là do không còn phù hợp tánh ý, bất đồng về quan điểm sống, nên đã sống ly thân gần một năm nay. Nay ông H xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không mất khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà Nh xác nhận lời trình bày của ông H về hôn nhân; con chung nguY nhân mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên phần tài sản chung ông H không nêu ra là không đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung gồm nhà và đất. Giữa bà và ông H có thống thỏa thuận chia cho bà 03 công đất ruộng vào năm 2011, nhưng từ khi thỏa thuận đến nay ông H không giao đất cho bà mà chiếm giữ để sử dụng nên bà yêu cầu ông H phải đưa tài sản như thỏa thuận trước đây thì bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Nếu ông H không đồng ý giao đất thì bà kiên quyết không ly hôn. Tòa án có giải thích cho bà phản tố yêu chia tài sản chung nhưng do bà bị bệnh đi lại khó khăn và phải trông giữ cháu thay cho con đi làm việc nên bà không có thời gian để phản tố yêu cầu chia tài sản chung, nhưng bà kiên quyết nếu ông H không chia tài sản cho bà, bà không đồng ý ly hôn và bà không làm đơn phản tố yêu cầu ông H chia tài sản chung.

Về con chung: Bà thống nhất ý kiến của ông H các con đã trưởng thành bà không yêu cầu gì.

Về tài sản chung giữa bà Nh và ông H không thống nhất được nhưng bà không có đơn phản tố.

Về nợ chung: Bà Nh xác định không yêu cầu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguY đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc H, bà Nguyễn Thị Nh chung sống với nhau từ năm 1979 đến nay chưa đăng ký kết hôn, nhưng theo quy định hôn nhân của ông bà

được xác định là hôn nhân thực tế nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà Nh. Xét thấy hôn nhân giữa ông H bà Nh đã không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Ngọc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Con đã lớn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Ngọc H không có yêu cầu. Riêng ý kiến của bà Nh yêu cầu ông chia đất nhưng bà Nh không có đơn phản tố yêu cầu Tòa án xem xét nên đề nghị Tòa án không xem xét. Nếu sau này cần thiết bà Nh có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà Nguyễn Thị Nh với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hòa Lợi, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Ngọc H với bà Nguyễn Thị Nh chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1979 đến nay chưa đăng ký kết hôn, theo Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 được xác định là hôn nhân thực tế nên được xem là hôn nhân hợp pháp và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. NguY nhân dẫn đến ly hôn ông H cho rằng không còn phù hợp tánh ý, bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng đã sống ly thân gần một năm, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông không còn tình cảm vợ chồng với bà Nh, nên yêu cầu được ly hôn. Đối với bị đơn bà Nh xác định nguY nhân mâu thuẫn như ông H trình bày là đúng và vợ chồng cũng đã không còn tình cảm, nhưng do ông H không thực hiện theo thỏa thuận giao đất đã chia cho bà nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H, nếu ông H thực hiện lời hứa giao đất cho bà bà sẽ đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình

ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng ông H, bà Nh đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông H, bà Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà Nh.

[2.2]. Về con chung: Ông Đỗ Ngọc H bà Nguyễn Thị Nh xác định có 05 người con chung gồm: Đỗ Nhật C, sinh năm 1983; Đỗ Thành Y, sinh năm 1984; Đỗ Thị Hồng C1, sinh năm 1985; Đỗ Trạng X, sinh năm 1989; Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 1992, đã trưởng thành không mất khả năng lao động không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đỗ Ngọc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng đối với ý kiến của bà Nguyễn Thị Nh cho rằng giữa bà và ông H trong quá trình chung sống có tài sản chung và năm 2011, ông H đã thống nhất chia cho bà 03 công đất ruộng, nhưng ông H chiếm lại sử dụng không giao cho bà như thỏa thuận. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã giải thích quyền phản tố của bị đơn, nhưng bà Nh kiên quyết không có đơn phản tố, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Nếu sau này cần thiết bà Nh có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Ông Đỗ Ngọc H, bà Nguyễn Thị Nh không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Do ông Đỗ Ngọc H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên ông Đỗ Ngọc H được miễn tiền án phí. Ông Đỗ Ngọc H được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003475, ngày 09/02/2023 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 85; 87; 89; 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Thông tư số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTC, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Nh.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Do ông Đỗ Ngọc H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên ông Đỗ Ngọc H được miễn tiền án phí. Ông Đỗ Ngọc H được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003475, ngày 09/02/2023 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Ông Đỗ Ngọc H, bà Nguyễn Thị Nh có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuY án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã/phường;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên